PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 62/2018/NQ-HĐND	*Trà Vinh, ngày 11 tháng 7 năm 2018*

NGHỊ QUYẾT
Sửa đổi, bổ sung một số điểm của Điều 1 Nghị quyết số 10/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 và giai đoạn 2017 - 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHOÁ IX - KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật ngân sách Nhà nước;

Xét Tờ trình số 2200/TTr-UBND ngày 21/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh sửa đổi, bổ sung một số điểm của Điều 1 Nghị quyết số 10/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 và giai đoạn 2017-2020;báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của Điều 1 Nghị quyết số 10/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 và giai đoạn 2017 - 2020, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điểm 4.1, Khoản 4 Mục III Điều 1, như sau:

"* *Định mức phân bổ nêu trên bao gồm:*

(1) Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan: Khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, hội

nghị, tổng kết, văn phòng phẩm, điện nước, xăng dầu, kinh phí mua sắm công cụ dụng cụ và sửa chữa thường xuyên tài sản,...

(2) Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm: Chi nghiệp vụ chuyên môn của các ngành, chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; chi hoạt động cơ sở đảng, đoàn; chi công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật,...

** Định mức phân bổ không bao gồm:*

(2) Các khoản chi đặc thù mang tính chất chung của các cơ quan, đơn vị; kinh phí đối ứng của các dự án; chi thuê trụ sở; chi tổ chức Đại hội; chi hoạt động của các Ban Chỉ đạo, Ban điều phối, tổ công tác liên ngành, chi cho công tác tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ quy mô toàn tỉnh, chi đoàn ra, đoàn vào...; chi mua ô tô, sửa chữa lớn trụ sở; kinh phí mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức và cơ quan hoặc theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.".

2. Sửa đổi Điểm 4.4, Khoản 4 Mục III Điều 1, như sau:

"4.4 Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập

- Đối với đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên: Thực hiện cơ chế Nhà nước đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ đối với dịch vụ sự nghiệp công nằm trong danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền ban hành và theo giá do cơ quan thẩm quyền quy định theo pháp luật về giá.

- Đối với đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: Quỹ tiền lương theo số biên chế được giao bao gồm: mức lương ngạch, bậc, các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp; chi hoạt động thường xuyên tính bằng 90% định mức chi hành chính của đơn vị cùng quy mô biên chế theo từng tuyến của đơn vị hành chính, sau khi trừ nguồn thu được để lại; chi hoạt động sự nghiệp sau khi cân đối từ các nguồn thu được để lại, ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần chưa cân đối được, chưa kết cấu vào giá, phí dịch vụ sự nghiệp công theo lộ trình quy định.

- Đối với đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên; đơn vị sự nghiệp chưa thực hiện tự chủ: Quỹ tiền lương theo số biên chế được giao bao gồm: mức lương ngạch, bậc, các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp; chi hoạt động thường xuyên tính bằng 90% định mức chi hành chính của đơn vị cùng quy mô biên chế theo từng tuyến của đơn vị hành chính, sau khi trừ nguồn thu được để lại (nếu có); chi hoạt động sự nghiệp, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở định mức chi theo quy định hiện hành".

3. Sửa đổi Điểm 4.6, Khoản 4 Mục III Điều 1, như sau:

Điều chỉnh định mức phân bổ theo loại xã. Cụ thể:

- Xã loại 1: 4.158 triệu đồng/năm *(Đính kèm Phụ lục 01)*.

- Xã loại 2: 3.946 triệu đồng/năm *(Đính kèm Phụ lục 02)*.

- Xã loại 3: 3.405 triệu đồng/năm *(Đính kèm Phụ lục 03).*

Điều 2. Giao UBND tỉnh triển khai tổ chức thực hiện; Thường trực HĐND, các Ban và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Trà Vinh khóa IX - kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 11/7/2018 và có hiệu lực từ ngày 21/7/2018./.

CHỦ TỊCH

Trần Trí Dũng

Phụ lục 01

CHI NGÂN SÁCH NĂM 2018 CỦA XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN LOẠI 1

(Kèm theo Nghị quyết số 62/2018/NQ-HĐND tỉnh)

ĐVT: Đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
(1)	(2)	(4)
1	**CB chuyên trách, công chức tính mức 1.300.000đ**	**1.669.820.880**
	- Lương CB chuyên trách, công chức:	1.051.596.000
	- Phụ cấp	367.567.200
	- Bảo hiểm XH, KPCĐ, BHYT	250.657.680
2	**CB không chuyên trách tính số tuyệt đối theo NĐ 29/2013/NĐ-CP**	**799.884.000**
2.1	**CB không chuyên trách cấp xã**	**353.808.000**
	- Phụ cấp và 3% BHYT (20,3 x 1.300.000 đ/tháng)	316.680.000
	- Hỗ trợ đóng BHXH bắt buộc (17 người x 1.300.000 x 14% x 12 tháng)	37.128.000
2.2	**CB không chuyên trách ở ấp, khóm (bình quân 6 ấp/xã)**	**468.000.000**
	- Phụ cấp và 3% BHYT (5,0 x 1.300.000 đ/tháng/ấp x 6 ấp)	468.000.000
3	**Hoạt động thường xuyên**	**686.000.000**
	- Đảng (8 người x 14.000.000đ)	*112.000.000*
	- QLNN, Đoàn thể, ANQP (19+13+9)người x 14.000.000đ)	*574.000.000*
4	**Hoạt động sự nghiệp**	**130.000.000**
	- Ấp khóm văn hóa (6 ấp x 1.000.000đ)	*6.000.000*
	- Hoạt động mặt trận ấp: (6 ấp x 5.500.000đ)	*33.000.000*
	- Hoạt động mặt trận xã (25.000.00đ)	*25.000.000*
	- Thanh tra nhân dân (5.000.000đ)	*5.000.000*
	- Hỗ trợ công tác lập kế hoạch phát triển KTXH	*10.000.000*
	- Hỗ trợ công tác hòa giải ở cơ sở + Khác	*15.000.000*
	- Hỗ trợ ấp, khóm (1.000.000đ/tháng)	*12.000.000*
	- Hỗ trợ thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU (2.000.000đ/tháng)	*24.000.000*
5	**- Phụ cấp đại biểu HĐND**	**156.000.000**
	+ Tiền công lao động BĐHĐND không lương: 15 người x 0,1 x 1.300.000 x 20 ngày/năm)	39.000.000
	+ Hoạt động phí: 25 người x 0,3 x 1.300.000đ x 12 tháng	117.000.000
6	**Lực lượng DQTV**	**227.833.800**
6.1	**Phụ cấp hàng tháng**	**78.000.000**
	- Chỉ huy phó (1 x 1.300.000 x 2 CHP x 12 tháng)	31.200.000
	- Ấp, khóm đội trưởng (6 ấp x 0,5 x 1.300.000 x 12 tháng)	46.800.000
6.2	**Phụ cấp trách nhiệm**	**44.928.000**
	- Chính trị viên (1 x 0,24 x 1.300.000 x 12 tháng)	*3.744.000*
	- Xã đội trưởng(1 x 0,24 x 1.300.000 x 12 tháng)	*3.744.000*
	- Xã đội phó (2 x 0,22 x 1.300.000 x 12 tháng)	*6.864.000*
	- Trung đội trưởng(1 x 0,12 x 1.300.000 x12 tháng)	*1.872.000*

	- Ấp đội trưởng (6 x 0,12 x 1.300.000 x 12 tháng)	*11.232.000*
	- Trung đội trưởng phòng không (1 x 0,12 x 1.300.000 x 12 tháng)	*1.872.000*
	- Khẩu đội trưởng (1 x 0,1 x 1.300.000 x 12 tháng)	*1.560.000*
	- Tiểu đội trưởng tại chổ (6 x 0,1 x 1.300.000 x 12 tháng)	*9.360.000*
	- Tiểu đội trưởng cơ động (3 x 0,1 x 1.300.000 x 12 tháng)	*4.680.000*
6.3	**Phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự (2CHP x 50% (PC hiện hưởng)**	**17.714.400**
6.4	**Trực DQTV**	**83.603.400**
	- Trưc luân phiên 3 người (3 người x 43.000 đ x 365 ngày)	**47.085.000**
	- Trực ngày lễ, tết	**27.388.800**
	+ Tiền ăn (9 người x 24 ngày x 30.000 đ/ngày)	6.480.000
	+ Ngày công lao động (9 người x 24 ngày x 0,08 x 1.210.000)	20.908.800
	- Trực đột xuất theo yêu cầu, nhiệm vụ	**9.129.600**
	+ Tiền ăn (9 người x 8 ngày x 30.000 đ/ngày)	2.160.000
	+ Ngày công lao động (9 người x 8 ngày x 0,08 x 1.300.000)	6.969.600
6.5	**BHXH Chỉ huy phó BCH Quân sự cấp xã (2 người x 1.300.000 x 22% x12 tháng)**	**6.864.000**
6.6	**BHYT Chỉ huy phó BCH Quân sự cấp xã (2 người x 1.300.000 x 3% x 12 tháng)**	**936.000**
7	**Lực lượng Công an xã**	**239.327.400**
7.1	**Phụ cấp hàng tháng**	**223.080.000**
	- Phó Trưởng Công an xã (2 Phó x 1 x 1.300.000 x 12 tháng)	31.200.000
	- Công an viên tại xã (03 CAV x 0,9 x 1.300.000 x 12 tháng)	42.120.000
	- Công an viên ấp, khóm (02 CAV x 6 ấp x 0,8 x 1.300.000 x 12 tháng)	149.760.000
7.2	**BHXH (2 người x 1.300.000 x 22% x12 tháng)**	**6.864.000**
7.3	**BHYT (2 người x 1.300.000 x 3% x 12 tháng)**	**936.000**
7.4	**Trợ cấp làm nhiệm vụ thường trực sẵn sàng chiến đấu**	**14.625.000**
	- Công an viên tại xã (03 CAV x 0,05 x 1.300.000 x 15 ngày)	2.925.000
	- Công an viên ấp, khóm (02 CAV x 6 ấp x 0,05 x 1.300.000 x 15 ngày)	11.700.000
8	**- Hoạt động cơ sở Đảng theo QĐ 99**	**95.580.000**
9	**- Hoạt động công đoàn (1 x 50.000 x 12)**	**600.000**
10	**- Phụ cấp cấp uỷ viên (15x 0,3 x 1.300.000 x12)**	**70.200.000**
11	**- Dự phòng**	**83.343.920**
	Tổng cộng	**4.158.590.000**

Ghi chú:

Kinh phí tăng thêm theo bằng đối với CBKCT, CAX, DQTV; Phụ cấp lực lượng bảo vệ dân phố; Phụ cấp đội trưởng đội phó đội dân phòng; Phụ cấp trợ cấp theo Nghị định 116/2010/NĐ-CP; Kinh phí thực hiện đề án Tăng cường quản lý, giáo dục cảm hóa phòng ngừa thanh thiếu niên vi phạm pháp luật,... sẽ thực hiện bổ sung có mục tiêu

Phụ lục 02

CHI NGÂN SÁCH NĂM 2018 CỦA XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN LOẠI 2

(Kèm theo Nghị quyết số 62/2018/NQ-HĐND tỉnh)

ĐVT: Đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
(1)	(2)	(4)
1	**CB chuyên trách, công chức tính mức 1.300.000đ**	**1.502.074.080**
	- Lương CB chuyên trách, công chức:	957.996.000
	- Phụ cấp	314.948.400
	- Bảo hiểm XH, KPCĐ, BHYT	229.129.680
2	**CB không chuyên trách tính số tuyệt đối theo NĐ 29/2013/NĐ-CP**	**775.200.000**
2.1	**CB không chuyên trách cấp xã**	**327.288.000**
	- Phụ cấp và 3% BHYT (18,6 x 1.310.000 đ/tháng)	290.160.000
	- Hỗ trợ đóng BHXH bắt buộc (17 người x 1.300.000 x 14% x 12 tháng)	37.128.000
2.2	**CB không chuyên trách ở ấp, khóm (bình quân 6 ấp/xã)**	**468.000.000**
	- Phụ cấp và 3% BHYT (5,0 x 1.300.000 đ/tháng/ấp x 6 ấp)	468.000.000
3	**Hoạt động thường xuyên**	**658.000.000**
	- Đảng (7 người x 14.000.000đ)	*98.000.000*
	- QLNN, Đoàn thể, ANQP (18+13+9) người x 14.000.000đ)	*560.000.000*
4	**Hoạt động sự nghiệp**	**130.000.000**
	- Ấp khóm văn hóa (6 ấp x 1.000.000đ)	*6.000.000*
	- Hoạt động mặt trận ấp: (6 ấp x 5.500.000đ)	*33.000.000*
	- Hoạt động mặt trận xã (25.000.00đ)	*25.000.000*
	- Thanh tra nhân dân	*5.000.000*
	- Hỗ trợ công tác lập kế hoạch phát triển KTXH	*10.000.000*
	- Hỗ trợ công tác hòa giải ở cơ sở + Khác	*15.000.000*
	- Hỗ trợ ấp, khóm (1.000.000đ/tháng)	*12.000.000*
	- Hỗ trợ thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU (2.000.000đ/tháng)	*24.000.000*
5	**- Phụ cấp đại biểu HĐND**	**156.000.000**
	+ Tiền công lao động BĐHĐND không lương: 15 người x 0,1 x 1.300.000 x 20 ngày/năm)	39.000.000
	+ Hoạt động phí: 25 người x 0,3 x 1.300.000đ x 12 tháng	117.000.000
6	**Lực lượng DQTV**	**234.119.400**
6.1	**Phụ cấp hàng tháng**	**78.000.000**
	- Chỉ huy phó (1 x 1.300.000 x 2 CHP x 12 tháng)	31.200.000
	- Ấp, khóm đội trưởng (6 ấp x 0,5 x 1.300.000 x 12 tháng)	46.800.000
6.2	**Phụ cấp trách nhiệm**	**44.928.000**
	- Chính trị viên (1 x 0,24 x 1.300.000 x 12 tháng)	*3.744.000*
	- Xã đội trưởng(1 x 0,24 x 1.300.000 x 12 tháng)	*3.744.000*
	- Xã đội phó (2 x 0,22 x 1.300.000 x 12 tháng)	*6.864.000*
	- Trung đội trưởng(1 x 0,12 x 1.300.000 x12 tháng)	*1.872.000*
	- Ấp đội trưởng (6 x 0,12 x 1.300.000 x 12 tháng)	*11.232.000*

	- Trung đội trưởng phòng không (1 x 0,12 x 1.300.000 x 12 tháng)	*1.872.000*
	- Khẩu đội trưởng (1 x 0,1 x 1.300.000 x 12 tháng)	*1.560.000*
	- Tiểu đội trưởng tại chổ (6 x 0,1 x 1.300.000 x 12 tháng)	*9.360.000*
	- Tiểu đội trưởng cơ động (3 x 0,1 x 1.300.000 x 12 tháng)	*4.680.000*
6.3	**Phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự (2CHP x 50% (PC hiện hưởng)**	**17.714.400**
6.4	**Trực DQTV**	**85.677.000**
	- Trưc luân phiên 3 người (3 người x 43.000 đ x 365 ngày)	**47.085.000**
	- Trực ngày lễ, tết	**28.944.000**
	+ Tiền ăn (9 người x 24 ngày x 30.000 đ/ngày)	6.480.000
	+ Ngày công lao động (9 người x 24 ngày x 0,08 x 1.300.000)	22.464.000
	- Trực đột xuất theo yêu cầu, nhiệm vụ	**9.648.000**
	+ Tiền ăn (9 người x 8 ngày x 30.000 đ/ngày)	2.160.000
	+ Ngày công lao động (9 người x 8 ngày x 0,08 x 1.300.000)	7.488.000
6.5	**BHXH Chỉ huy phó BCH Quân sự cấp xã (2 người x 1.300.000 x 22% x12 tháng)**	**6.864.000**
6.6	**BHYT Chỉ huy phó BCH Quân sự cấp xã (2 người x 1.300.000 x 3% x 12 tháng)**	**936.000**
7	**Lực lượng Công an xã**	**245.505.000**
7.1	**Phụ cấp hàng tháng**	**223.080.000**
	- Phó Trưởng Công an xã (2 Phó x 1 x 1.300.000 x 12 tháng)	31.200.000
	- Công an viên tại xã (03 CAV x 0,9 x 1.300.000 x 12 tháng)	42.120.000
	- Công an viên ấp, khóm (02 CAV x 6 ấp x 0,8 x 1.300.000 x 12 tháng)	149.760.000
7.2	**BHXH (2 người x 1.300.000 x 22% x12 tháng)**	**6.864.000**
7.3	**BHYT (2 người x 1.300.000 x 3% x 12 tháng)**	**936.000**
7.4	**Trợ cấp làm nhiệm vụ thường trực sẵn sàng chiến đấu**	**14.625.000**
	- Công an viên tại xã (03 CAV x 0,05 x 1.300.000 x 15 ngày)	2.925.000
	- Công an viên ấp, khóm (02 CAV x 6 ấp x 0,05 x 1.300.000 x 15 ngày)	11.700.000
8	**- Hoạt động cơ sở Đảng theo QĐ 99**	**95.580.000**
9	**- Hoạt động công đoàn (1 x 50.000 x 12)**	**600.000**
10	**- Phụ cấp cấp uỷ viên(15x 0,3 x 1.300.000 x12)**	**70.200.000**
11	**- Dự phòng**	**79.084.520**
	Tổng cộng	**3.946.363.000**

Ghi chú:

Kinh phí tăng thêm theo bằng đối với CBKCT, CAX, DQTV; Phụ cấp lực lượng bảo vệ dân phố; Phụ cấp đội trưởng đội phó đội dân phòng; Phụ cấp trợ cấp theo Nghị định 116/2010/NĐ-CP; Kinh phí thực hiện đề án Tăng cường quản lý, giáo dục cảm hóa phòng ngừa thanh thiếu niên vi phạm pháp luật,... sẽ thực hiện bổ sung có mục tiêu

Phụ lục 03

CHI NGÂN SÁCH NĂM 2018 CỦA XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN LOẠI 3

(Kèm theo Nghị quyết số 62/2018/NQ-HĐND tỉnh)

ĐVT: Đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
(1)	(2)	(4)
1	**CB chuyên trách, công chức tính mức 1.300.000đ**	**1.361.268.480**
	- Lương CB chuyên trách, công chức:	881.556.000
	- Phụ cấp	268.164.000
	- Bảo hiểm XH, KPCĐ, BHYT	211.548.480
2	**CB không chuyên trách tính số tuyệt đối theo NĐ 29/2013/NĐ-CP**	**573.480.000**
2.1	**CB không chuyên trách cấp xã**	**311.688.000**
	- Phụ cấp và 3% BHYT (17,6 x 1.300.000 đ/tháng)	274.560.000
	- Hỗ trợ đóng BHXH bắt buộc (17 người x 1.300.000 x 14% x 12 tháng)	37.128.000
2.2	**CB không chuyên trách ở ấp, khóm (bình quân 6 ấp/xã)**	**280.800.000**
	- Phụ cấp và 3% BHYT (3,0 x 1.300.000 đ/tháng/ấp x 6 ấp)	280.800.000
3	**Hoạt động thường xuyên**	**602.000.000**
	- Đảng (7 người x 800.000 x 12)	*98.000.000*
	- QLNN, Đoàn thể, ANQP (16+13+7) người x 700.000 x 12)	*504.000.000*
4	**Hoạt động sự nghiệp**	**130.000.000**
	- Ấp khóm văn hóa (6 ấp x 1.000.000đ)	*6.000.000*
	- Hoạt động mặt trận ấp: (6 ấp x 5.000.000đ)	*33.000.000*
	- Hoạt động mặt trận xã (25.000.00đ)	*25.000.000*
	- Thanh tra nhân dân	*5.000.000*
	- Hỗ trợ công tác lập kế hoạch phát triển KTXH	*10.000.000*
	- Hỗ trợ công tác hòa giải ở cơ sở + Khác	*15.000.000*
	- Hỗ trợ ấp, khóm (1.000.000đ/tháng)	*12.000.000*
	- Hỗ trợ thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU (2.000.000đ/tháng)	*24.000.000*
5	**- Phụ cấp đại biểu HĐND**	**146.640.000**
	+ Tiền công lao động BĐHĐND không lương: 15 người x 0,1 x 1.300.000 x 20 ngày/năm)	39.000.000
	+ Hoạt động phí: 23 người x 0,3 x 1.300.000đ x 12 tháng	107.640.000
6	**Lực lượng DQTV**	**212.505.000**
6.1	**Phụ cấp hàng tháng**	**62.400.000**
	- Chỉ huy phó (1 x 1.300.000 x 1 CHP x 12 tháng)	15.600.000
	- Ấp, khóm đội trưởng (6 ấp x 0,5 x 1.300.000 x 12 tháng)	46.800.000
6.2	**Phụ cấp trách nhiệm**	**41.496.000**
	- Chính trị viên (1 x 0,24 x 1.300.000 x 12 tháng)	*3.744.000*
	- Xã đội trưởng(1 x 0,24 x 1.300.000 x 12 tháng)	*3.744.000*
	- Xã đội phó (1 x 0,22 x 1.300.000 x 12 tháng)	*3.432.000*
	- Trung đội trưởng(1 x 0,12 x 1.300.000 x12 tháng)	*1.872.000*
	- Ấp đội trưởng (6 x 0,12 x 1.300.000 x 12 tháng)	*11.232.000*

	- Trung đội trưởng phòng không (1 x 0,12 x 1.300.000 x 12 tháng)	*1.872.000*
	- Khẩu đội trưởng (1 x 0,1 x 1.300.000 x 12 tháng)	*1.560.000*
	- Tiểu đội trưởng tại chổ (6 x 0,1 x 1.300.000 x 12 tháng)	*9.360.000*
	- Tiểu đội trưởng cơ động (3 x 0,1 x 1.300.000 x 12 tháng)	*4.680.000*
6.3	**Phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự (CHP x 50% (PC hiện hưởng)**	**19.032.000**
6.4	**Trực DQTV**	**85.677.000**
	- Trưc luân phiên 3 người (3 người x 43.000 đ x 365 ngày)	**47.085.000**
	- Trực ngày lễ, tết	**28.944.000**
	+ Tiền ăn (9 người x 24 ngày x 30.000 đ/ngày)	6.480.000
	+ Ngày công lao động (9 người x 24 ngày x 0,08 x 1.300.000)	22.464.000
	- Trực đột xuất theo yêu cầu, nhiệm vụ	**9.648.000**
	+ Tiền ăn (9 người x 8 ngày x 30.000 đ/ngày)	2.160.000
	+ Ngày công lao động (9 người x 8 ngày x 0,08 x 1.300.000)	7.488.000
6.5	**BHXH Chỉ huy phó BCH Quân sự cấp xã (1 người x 1.300.000 x 22% x12 tháng)**	**3.432.000**
6.6	**BHYT Chỉ huy phó BCH Quân sự cấp xã (1 người x 1.300.000 x 3% x 12 tháng)**	**468.000**
7	**Lực lượng Công an xã**	**145.275.000**
7.1	**Phụ cấp hàng tháng**	**132.600.000**
	- Phó Trưởng Công an xã (1 Phó x 1 x 1.300.000 x 12 tháng)	15.600.000
	- Công an viên tại xã (03 CAV x 0,9 x 1.300.000 x 12 tháng)	42.120.000
	- Công an viên ấp, khóm (01 CAV x 6 ấp x 0,8 x 1.300.000 x 12 tháng)	74.880.000
7.2	**BHXH (1 người x 1.300.000 x 22% x12 tháng)**	**3.432.000**
7.3	**BHYT (1 người x 1.300.000 x3% x 12 tháng)**	**468.000**
7.4	**Trợ cấp làm nhiệm vụ thường trực sẵn sàng chiến đấu**	**8.775.000**
	- Công an viên tại xã (03 CAV x 0,05 x 1.300.000 x 15 ngày)	2.925.000
	- Công an viên ấp, khóm (01 CAV x 6 ấp x 0,05 x 1.300.000 x 15 ngày)	5.850.000
8	**- Hoạt động cơ sở Đảng theo QĐ 99**	**95.580.000**
9	**- Hoạt động công đoàn (1 x 50.000 x 12)**	**600.000**
10	**- Phụ cấp cấp uỷ viên (15x 0,3 x 1.300.000 x12)**	**70.200.000**
11	**- Dự phòng**	**68.667.581**
	Tổng cộng	**3.405.834.000**

Ghi chú:

Kinh phí tăng thêm theo bằng đối với CBKCT, CAX, DQTV; Phụ cấp lực lượng bảo vệ dân phố; Phụ cấp đội trưởng đội phó đội dân phòng; Phụ cấp trợ cấp theo nghị định 116/2010/NĐ-CP; Kinh phí thực hiện đề án Tăng cường quản lý, giáo dục cảm hóa phòng ngừa thanh thiếu niên vi phạm pháp luật,... sẽ thực hiện bổ sung có mục tiêu